

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI VÀ
KHOÁNG SẢN HOÀNG PHÚC**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Lạng Sơn, tháng 03 năm 2023

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN	05 - 06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	09 - 24

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại và Khoáng sản Hoàng Phúc ("Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Lê Thanh Hồng	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 10/05/2022)
Bà Võ Thị Hà	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 10/05/2022)
Ông Nguyễn Trường Sơn	Thành viên (bổ nhiệm ngày 10/05/2022)
Ông Lê Văn Thành	Thành viên (bổ nhiệm ngày 10/05/2022)
Ông Nguyễn Cao Đăng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 10/05/2022)
Ông Phạm Đức Thắng	Thành viên HĐQT độc lập (bổ nhiệm ngày 10/05/2022)
Bà Dương Thị Mùi	Thành viên (miễn nhiệm ngày 10/05/2022)
Ông Đặng Công Đồng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 10/05/2022)
Ông Wang De Rong	Thành viên (miễn nhiệm ngày 10/05/2022)
Ông Lê Hồng Hiệp	Thành viên (miễn nhiệm ngày 10/05/2022)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Trường Sơn	Tổng giám đốc (bổ nhiệm ngày 01/03/2022)
Ông Dương Nguyễn Bộ	Tổng giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/03/2022)
Ông Đinh Văn Đức	Phó Tổng giám đốc (bổ nhiệm ngày 10/06/2022)
Ông Wang De Rong	Phó Tổng giám đốc (miễn nhiệm ngày 28/07/2022)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Nguyễn Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Lạng Sơn, ngày 31 tháng 03 năm 2023

Số: 97 /2023/BCKT-AVI-TC1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban giám đốc
Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại và Khoáng sản Hoàng Phúc

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại và Khoáng sản Hoàng Phúc (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 31/03/2023, từ trang 05 đến trang 24 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại và Khoáng sản Hoàng Phúc tại ngày 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại thuyết minh 4.1 trong bản thuyết minh Báo cáo tài chính: Tại ngày lập Báo cáo tài chính kèm theo, Công ty đang tạm dừng các hoạt động khai thác mỏ và kinh doanh thương mại, một số khoản phải thu khách hàng lớn chưa được thu hồi đã dẫn đến khó khăn trong việc thanh toán các khoản nợ đến hạn phải trả. Trong năm 2022, Công ty đã có sự thay đổi về cơ cấu cổ đông lớn và thành viên Ban Lãnh đạo cấp cao; theo định hướng chiến lược của Công ty là từng bước khôi phục lại hoạt động sản xuất, khai thác tại mỏ đá với Lũng Cù, mở rộng ngành nghề kinh doanh bao gồm hoạt động đầu tư, kinh doanh bất động sản. Ngoài ra, Ban Giám đốc cam kết trong việc sớm thu hồi các khoản nợ phải thu, đàm phán gia hạn các khoản nợ, vay đến hạn trả. Ban Giám đốc tiếp tục nhận được cam kết từ cổ đông chính của Công ty về việc sẽ hỗ trợ tài chính khi cần thiết nhằm duy trì hoạt động liên tục của Công ty trong thời gian tới. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng Báo cáo tài chính kèm theo được lập dựa trên cơ sở Công ty tiếp tục hoạt động kinh doanh là phù hợp.

Như đã trình bày tại thuyết minh 20 trong bản thuyết minh Báo cáo tài chính: Tổng doanh thu và giá vốn phát sinh trong năm 2022 của Công ty là hoạt động kinh doanh vật tư, thiết bị y tế với các đối tác thương mại với số tiền tương ứng là 90,6 tỷ đồng và 58,4 tỷ đồng. Ban Giám đốc Công ty cam kết hoạt động kinh doanh vật tư, thiết bị y tế đã tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ Y tế và các cơ quan có liên quan, giá trị giao dịch của hàng hóa tuân thủ nguyên tắc giá thị trường, trên cơ sở hợp đồng kinh tế giữa các pháp nhân có đầy đủ giấy phép kinh doanh hợp lệ tại Việt Nam.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không ảnh hưởng bởi các vấn đề nhấn mạnh nêu trên.



Vũ Bình Minh
Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 0034-2023-055-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT
Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2023

Đoàn Thu Hằng
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 1396-2023-055-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

MẪU SỐ B01 - DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết	31/12/2022	01/01/2022
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		38.082.899.026	8.600.932.524
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		11.571.939	10.408.615
1. Tiền	111	5	11.571.939	10.408.615
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		37.315.234.497	5.550.044.750
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	35.672.149.764	4.923.180.921
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	135.201.007	214.904.279
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	1.552.000.000	1.708.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	731.883.726	4.044.750
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	12	(776.000.000)	(1.300.085.200)
III. Hàng tồn kho	140		-	410.317
1. Hàng tồn kho	141		-	410.317
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		756.092.590	3.040.068.842
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		27.120.835	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		728.971.755	3.040.068.842
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		16.098.733.759	26.208.120.385
I. Tài sản cố định	220		16.098.733.759	19.297.374.930
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	12.783.177.576	15.830.513.939
- Nguyên giá	222		25.066.009.460	29.673.994.915
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(12.282.831.884)	(13.843.480.976)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	3.315.556.183	3.466.860.991
- Nguyên giá	228		4.236.534.500	4.236.534.500
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(920.978.317)	(769.673.509)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	6.910.745.455
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	6.910.745.455
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		54.181.632.785	34.809.052.909

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

MẪU SỐ B01 - DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết	31/12/2022	01/01/2022
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		16.109.971.179	11.113.650.969
I. Nợ ngắn hạn	310		16.109.971.179	11.113.650.969
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	1.409.041.584	513.638.952
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	837.386.876	837.386.876
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	5.573.750.177	1.070.496.197
4. Phải trả người lao động	314		2.015.725.245	946.637.626
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		95.338.803	190.473.637
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	3.214.727.413	3.036.394.229
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	15	2.964.001.081	4.518.623.452
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		38.071.661.606	23.695.401.940
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	38.071.661.606	23.695.401.940
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		38.000.000.000	38.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		38.000.000.000	38.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		71.661.606	(14.304.598.060)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(14.304.598.060)	(14.554.462.981)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		14.376.259.666	249.864.921
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		54.181.632.785	34.809.052.909

Lạng Sơn, ngày 31 tháng 03 năm 2023

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc






Nguyễn Đình Quyền

Nguyễn Đình Quyền

Nguyễn Trường Sơn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

MẪU SỐ B02 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	90.625.944.423	4.260.000.000
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		90.625.944.423	4.260.000.000
4. Giá vốn hàng bán	11	21	58.436.250.916	587.775.385
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		32.189.693.507	3.672.224.615
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		102.195	43.014
7. Chi phí tài chính	22		45.338.803	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		45.338.803	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	9.372.007.798	1.225.475.649
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		22.772.449.101	2.446.791.980
11. Thu nhập khác	31	23	6.977.737.139	277.000.000
12. Chi phí khác	32	24	10.805.588.346	2.473.927.059
13. Lợi nhuận khác	40		(3.827.851.207)	(2.196.927.059)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		18.944.597.894	249.864.921
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	4.568.338.228	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		14.376.259.666	249.864.921
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	3.783	66

Lạng Sơn, ngày 31 tháng 03 năm 2023

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc





Nguyễn Trường Sơn

Nguyễn Đình Quyền

Nguyễn Đình Quyền

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

MẪU SỐ B03 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm	
		2022	2021
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	18.944.597.894	249.864.921
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	2.267.503.209	2.611.899.626
- Các khoản dự phòng	03	(524.085.200)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(68.964.233)	(277.043.014)
- Chi phí lãi vay	06	45.338.803	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	20.664.390.473	2.584.721.533
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(28.930.007.460)	(3.610.265.199)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	410.317	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	8.848.011.005	718.418.921
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(27.120.835)	3.278.864
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	555.683.500	(303.845.881)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	1.000.000.000	237.000.000
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	102.195	43.014
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.000.102.195	237.043.014
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	2.209.085.312	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(3.763.707.683)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.554.622.371)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	1.163.324	(66.802.867)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	10.408.615	77.211.482
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	11.571.939	10.408.615

Lạng Sơn, ngày 31 tháng 03 năm 2023

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc






Nguyễn Đình Quyền

Nguyễn Đình Quyền

Nguyễn Trường Sơn

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại và Khoáng sản Hoàng Phúc hoạt động theo các Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 4900270327 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp lần đầu ngày 18/02/2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 07/06/2022.

Hiện tại, cổ phiếu của Công ty hiện đang được đăng ký giao dịch tại Sàn giao dịch các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) với mã giao dịch là HPM.

Trụ sở chính của Công ty tại Khu 6 Thị trấn Na Sầm, Huyện Văn Lãng, Tỉnh Lạng Sơn

Công ty có các văn phòng đại diện:

STT	Văn phòng đại diện	Địa chỉ
1	Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh	Lầu 10, Vietcombank Tower, Số 5 Công trường Mê Linh, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
2	Văn phòng đại diện tại Hải Dương	Số 250 Quang Trung, phường Quang Trung, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2022 là 13 người (tại ngày 31/12/2021 là 3 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Khai thác quặng sắt;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Khai thác và thu gom than non;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Đại lý du lịch;
- Điều hành tua du lịch;
- Khai thác và thu gom than cứng;
- Kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Xây dựng nhà để ở;
- Xây dựng nhà không để ở;
- Xây dựng công trình đường sắt; đường bộ; công trình điện; công trình cấp thoát nước; công trình viễn thông, thông tin liên lạc; công trình khai khoáng; công trình chế biến, chế tạo; công trình công ích khác; công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Bán buôn nhựa đường trong xây dựng;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng các cửa hàng chuyên doanh: Bán lẻ nhựa đường trong xây dựng.
- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình: Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng kinh doanh;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Tư vấn môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch;

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến lưu chuyển tiền tệ), theo nguyên tắc giá gốc, dựa trên giả thiết hoạt động liên tục.

Tại ngày lập Báo cáo tài chính này, Công ty đang tạm dừng hoạt động kinh doanh chính là khai thác mỏ và kinh doanh thương mại, một số khoản phải thu khách hàng có giá trị lớn chưa được thu hồi nên Công ty đang gặp khó khăn trong việc thanh toán các khoản nợ đến hạn phải trả. Trong năm, Công ty đã có sự thay đổi về cơ cấu cổ đông lớn và thành viên Ban Lãnh đạo cấp cao. Theo định hướng chiến lược của Công ty là từng bước khôi phục lại hoạt động sản xuất, khai thác tại mỏ đá vôi Lũng Cù, mở rộng ngành nghề kinh doanh bao gồm hoạt động đầu tư, kinh doanh bất động sản. Ngoài ra, Ban Giám đốc cam kết trong việc sớm thu hồi các khoản nợ phải thu, đồng thời đàm phán gia hạn các khoản nợ, vay đến hạn trả. Ban Giám đốc cũng tiếp tục nhận được cam kết từ cổ đông chính của Công ty về việc sẽ hỗ trợ tài chính khi cần thiết nhằm duy trì hoạt động liên tục của Công ty trong thời gian tới. Do đó, Ban Giám đốc Công ty tin tưởng báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 được lập dựa trên giả thiết hoạt động liên tục là phù hợp.

4.2 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

4.4 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý. Trường hợp chưa có quy định về việc xác định lại giá trị hợp lý của các công cụ tài chính thì trình bày theo giá trị ghi sổ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán, nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

4.5 Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng, xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; các khoản đã chi hộ; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tài sản.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là phải thu dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với các quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

4.6 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, như:

- Thay đổi bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng; hoặc
- Cải tiến bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra; hoặc
- Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước.

Các chi phí phát sinh để sửa chữa, bảo dưỡng nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu, không thỏa mãn một trong các điều kiện trên, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

	Năm
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 28
Máy móc thiết bị	03 - 15

4.7 Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình được xác định theo giá gốc.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình hình thành từ mua sắm và đầu tư chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là tiền chi ra cho đền bù, giải phóng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ để có quyền sử dụng 39.459,6 m² đất tại thôn Lũng Cùng, xã Hoàng Việt, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn với thời gian sử dụng 30 năm (đến ngày 27/10/2045).

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian hữu hình ước tính, phù hợp với các quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

	Năm
Quyền sử dụng đất có thời hạn	28

4.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc, phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Việc khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được ghi nhận theo thực tế phát sinh, bao gồm công cụ, dụng cụ xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác phục vụ cho hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian không quá 3 năm.

Chi phí trả trước là tiền cấp quyền khai thác mỏ đá vôi được phân bổ theo thời gian khai thác còn lại của mỏ đá.

Công ty căn cứ vào thời gian trả trước theo hợp đồng hoặc thời gian phân bổ của từng loại chi phí để phân loại chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn và không thực hiện tái phân loại tại thời điểm báo cáo.

4.10 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: Phải trả về lãi vay; cổ tức và lợi nhuận phải trả; chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; mượn tài sản; phải trả về tiền phạt, bồi thường; tài sản phát hiện thừa chưa rõ nguyên nhân; phải trả về các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn; các khoản nhận ký cược, ký quỹ...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

4.11 Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính bao gồm: các khoản đi vay, nợ thuê tài chính và vay vốn theo phương thức phát hành trái phiếu thường (không có quyền chuyển đổi).

Các khoản đi vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ; theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính và theo nguyên tệ (nếu có). Các khoản có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

4.12 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu của dịch vụ trong từng kỳ thường được thực hiện theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành. Theo phương pháp này, doanh thu được ghi nhận trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ phần công việc đã hoàn thành. Phần công việc đã hoàn thành không phụ thuộc vào các khoản thanh toán định kỳ hay các khoản ứng trước của khách hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính: Bao gồm lãi tiền gửi, cổ tức, lợi nhuận được chia; và lãi kinh doanh chứng khoán... Cụ thể như sau:

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

- Tiền lãi được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi, cho vay và lãi suất thực tế từng kỳ.
- Chênh lệch tỷ giá phản ánh các khoản lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong kỳ của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm báo cáo.

Thu nhập khác: Phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty, ngoài các khoản doanh thu nêu trên.

4.13 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm và số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước. Thu nhập thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.

Chi phí thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm. Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính, khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, đối với tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế tài nguyên phải nộp trong năm liên quan đến hoạt động khai thác đá xây dựng được tính trên cơ sở sản lượng đá khai thác, giá tính thuế đơn vị và thuế suất thuế tài nguyên 10%.

Phí bảo vệ môi trường với hoạt động khai thác khoáng sản phải nộp trong năm được tính dựa trên số lượng đá khai thác trong năm, mức phí tính trên một m³ đá khai thác và hệ số tính phí theo phương pháp khai thác.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.14 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác (cùng thuộc Tập đoàn, Tổng công ty).

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

5. TIỀN

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng	11.571.939	10.408.615
Cộng	11.571.939	10.408.615

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp Vinatrading	32.680.888.655	-
Ông Vũ Ngọc Viên	2.961.261.109	-
Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý Hoàng Phúc	30.000.000	74.000.000
Công ty TNHH Logistics Quốc tế Bắc Giang	-	3.764.000.000
Công ty TNHH MTV Xây dựng và Thương mại Thăng Long LS	-	1.085.180.921
Cộng	35.672.149.764	4.923.180.921

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers	110.000.000	-
Công ty Cổ phần Khoáng sản Cổ Kênh	-	214.904.279
Các nhà cung cấp khác	25.201.007	-
Cộng	135.201.007	214.904.279

8. PHẢI THU TỪ CHO VAY

Khoản phải thu từ cho vay với Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý Hoàng Phúc (bên liên quan) theo hợp đồng cho vay tiền ngày 23/11/2020, số tiền cho vay: 1.750.000.000 đồng, thời hạn cho vay 6 tháng với lãi suất 0%. Mục đích sử dụng vốn vay: Chi dùng cho hoạt động kinh doanh nhằm mang lại nguồn doanh thu cho bên đi vay; chi trả các khoản thuế, phí cho nhà nước; chi trả chi phí cố định; chi trả lương cho cán bộ nhân viên và chi trả các khoản nợ đến hạn khác. Khoản phải thu từ cho vay nêu trên đã quá hạn thanh toán trên 1 năm và Công ty đã trích lập dự phòng với số tiền 776.000.000 đồng.

9. PHẢI THU KHÁC

	<u>31/12/2022</u>		<u>01/01/2022</u>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đặt cọc thuê văn phòng	620.085.312	-	-	-
Các khoản phải thu khác	111.798.414	-	4.044.750	-
Cộng	731.883.726	-	4.044.750	-

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	TSCĐ khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2022	10.688.734.577	18.947.260.338	38.000.000	29.673.994.915
Thanh lý, nhượng bán	-	(4.607.985.455)	-	(4.607.985.455)
Tại ngày 31/12/2022	10.688.734.577	14.339.274.883	38.000.000	25.066.009.460
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2022	3.592.237.321	10.213.243.655	38.000.000	13.843.480.976
Khấu hao trong năm	323.386.524	1.792.811.877	-	2.116.198.401
Thanh lý, nhượng bán	-	(3.676.847.493)	-	(3.676.847.493)
Tại ngày 31/12/2022	3.915.623.845	8.329.208.039	38.000.000	12.282.831.884
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2022	7.096.497.256	8.734.016.683	-	15.830.513.939
Tại ngày 31/12/2022	6.773.110.732	6.010.066.844	-	12.783.177.576
Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao còn sử dụng	2.057.657.305	911.190.909	38.000.000	3.006.848.214

Giá trị còn lại của Tài sản cố định hữu hình của Công ty đang phản ánh trên Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2022 là 12.783.177.576 đồng. Hiện tại hầu như toàn bộ máy móc thiết bị và nhà xưởng đã dừng sản xuất trong thời gian dài. Để đảm bảo kế hoạch sản xuất kinh doanh trong thời gian tới, Công ty đã thực hiện bảo dưỡng các máy móc thiết bị và làm thủ tục xin cấp giấy phép để tiếp tục thực hiện khai thác và kinh doanh mỏ đá, đảm bảo các tài sản cố định có thể đưa vào sử dụng bình thường và mang lại lợi ích kinh tế cho Công ty.

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Tổng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2022	4.236.534.500	4.236.534.500
Tại ngày 31/12/2022	4.236.534.500	4.236.534.500
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2022	769.673.509	769.673.509
Khấu hao trong năm	151.304.808	151.304.808
Tại ngày 31/12/2022	920.978.317	920.978.317
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2022	3.466.860.991	3.466.860.991
Tại ngày 31/12/2022	3.315.556.183	3.315.556.183

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI VÀ KHOÁNG SẢN HOÀNG PHÚC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

12. NỢ XẤU

	31/12/2022				01/01/2022			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	Năm	VND	VND	VND	Năm	VND	VND	VND
Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý Hoàng Phúc	Từ 1 năm đến 2 năm	1.552.000.000	776.000.000	(776.000.000)		1.708.000.000	1.708.000.000	-
Công ty Cổ phần Khoáng sản Cổ Kênh		-	-	-	Trên 3 năm	214.904.279	-	(214.904.279)
Công ty TNHH MTV Xây dựng và Thương mại Thăng Long LS		-	-	-	Từ 2 năm đến 3 năm	1.085.180.921	-	(1.085.180.921)
Cộng		1.552.000.000	776.000.000	(776.000.000)		3.008.085.200	1.708.000.000	(1.300.085.200)

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Liên doanh TNHH VIETCOMBANL-BONDAY-BEN THANH	626.523.548	626.523.548	-	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Thăng Long	635.268.000	635.268.000	512.979.000	512.979.000
Nhà cung cấp khác	147.250.036	147.250.036	659.952	-
Cộng	1.409.041.584	1.409.041.584	513.638.952	512.979.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI VÀ KHOÁNG SẢN HOÀNG PHÚC**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2022	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2022
	VND	VND	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	4.658.733.835	-	4.658.733.835
Thuế thu nhập cá nhân	187.174	357.223.250	116.662.250	240.748.174
Thuế tài nguyên	-	44.467.024	-	44.467.024
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	29.296.527	31.408.278	37.576.038	23.128.767
Thuế bảo vệ môi trường	15.165.642	-	-	15.165.642
Phí cấp quyền khai thác và thuế môn bài	565.664.439	452.802.818	793.565.848	224.901.409
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	460.182.415	108.009.864	201.586.953	366.605.326
Cộng	1.070.496.197	5.652.645.069	1.149.391.089	5.573.750.177

15. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	01/01/2022		Trong năm		31/12/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay bên liên quan	-	-	2.209.085.312	860.000.000	1.349.085.312	1.349.085.312
Ông Lê Thanh Hồng (i)	-	-	2.209.085.312	860.000.000	1.349.085.312	1.349.085.312
Vay các cá nhân khác	4.518.623.452	4.518.623.452	-	2.903.707.683	1.614.915.769	1.614.915.769
Bà Phạm Thị Tính (ii)	1.683.661.390	1.683.661.390	-	68.745.621	1.614.915.769	1.614.915.769
Ông Zhang Zheng Ming	2.834.962.062	2.834.962.062	-	2.834.962.062	-	-
Cộng	4.518.623.452	4.518.623.452	2.209.085.312	3.763.707.683	2.964.001.081	2.964.001.081

(i) Là các khoản vay ông Lê Thanh Hồng - Bên liên quan theo Hợp đồng hạn mức cho vay vốn lưu động số 05/2022/HĐVV-HPM ngày 01/08/2022, số tiền vay tối đa 10 tỷ đồng, thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất 7,5%. Số tiền vay được giải ngân theo các thời điểm khác nhau phụ thuộc nhu cầu sử dụng vốn phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.

(ii) Là các khoản vay ngắn hạn của Bà Phạm Thị Tính theo Hợp đồng vay tiền ngày 16/10/2019, số tiền vay là 1.683.661.390 đồng, thời hạn vay là 3 tháng kể ngày 16/10/2019. Lãi suất cho vay là 0%. Mục đích của khoản vay: chi dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, chi trả các khoản thuế, phí cho Nhà nước, chi trả các chi phí cố định và chi trả lương cho cán bộ công nhân viên và chi trả các khoản nợ đến hạn trả khác. Do hoạt động của Công ty khó khăn nên Bà Phạm Thị Tính cam kết chưa yêu cầu Công ty thanh toán khoản vay nói trên trong thời gian tới (ít nhất là 12 tháng) hoặc cho đến khi Công ty có đủ nguồn tiền để thanh toán.

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Chi nhánh Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Cửu Long tại Lạng Sơn	830.756.876	830.756.876
Khách hàng khác	6.630.000	6.630.000
Cộng	<u>837.386.876</u>	<u>837.386.876</u>

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Công ty TNHH Logistics Quốc tế Bắc Giang	3.000.000.000	-
Các khoản bảo hiểm	155.165.858	1.652.818
Bà Phạm Thị Tính	-	638.831.837
Ông Zhang Zheng Ming	-	100.000.000
Phải trả bà Phạm Thị Phương	-	2.246.758.630
Phải trả các đối tượng khác	59.561.555	49.150.944
Cộng	<u>3.214.727.413</u>	<u>3.036.394.229</u>

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u>	<u>LNST chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2021	38.000.000.000	(14.554.462.981)	23.445.537.019
Lãi trong năm	-	249.864.921	249.864.921
Tại ngày 01/01/2022	<u>38.000.000.000</u>	<u>(14.304.598.060)</u>	<u>23.695.401.940</u>
Lãi trong năm	-	14.376.259.666	14.376.259.666
Tại ngày 31/12/2022	<u>38.000.000.000</u>	<u>71.661.606</u>	<u>38.071.661.606</u>

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Ông Lê Thanh Hồng	9.183.000.000	24,17%	6.000.000	-
Ông Lê Văn Thành	8.324.000.000	21,91%	-	-
Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý Hoàng Phúc	5.697.000.000	14,99%	19.760.000.000	52,00%
Ông Nguyễn Cao Đăng	5.312.000.000	13,98%	-	-
Ông Trịnh Anh Tuấn	3.800.000.000	10,00%	-	-
Ông Nguyễn Đức Hưng	1.935.000.000	5,09%	-	-
Công ty TNHH Y học cổ truyền Taytang	-	-	9.500.000.000	25,00%
Vốn góp của các cổ đông khác	3.749.000.000	9,87%	8.734.000.000	22,98%
Cộng	38.000.000.000	100%	38.000.000.000	100%

Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.800.000	3.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.800.000	3.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.800.000	3.800.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.800.000	3.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.800.000	3.800.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu):	10.000	10.000

19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2022	01/01/2022
Ngoại tệ các loại		
- USD	201,32	201,32
- CNY	88,54	88,54

20. DOANH THU CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	90.625.944.423	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	4.260.000.000
Cộng	90.625.944.423	4.260.000.000

Tổng doanh thu và giá vốn phát sinh trong năm 2022 của Công ty là hoạt động kinh doanh vật tư, thiết bị y tế với các đối tác thương mại với số tiền tương ứng là 90,6 tỷ đồng và 58,4 tỷ đồng (Thuyết minh số 21). Ban Giám đốc Công ty cam kết hoạt động kinh doanh vật tư, thiết bị y tế đã tuân thủ đầy đủ các qui định của Bộ Y tế và các cơ quan có liên quan, giá trị giao dịch của hàng hóa tuân thủ nguyên tắc giá thị trường, trên cơ sở hợp đồng kinh tế giữa các pháp nhân có đầy đủ giấy phép kinh doanh hợp lệ tại Việt Nam.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	58.436.250.916	-
Giá vốn cung cấp dịch vụ	-	587.775.385
Cộng	58.436.250.916	587.775.385

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nhân công	2.753.490.000	977.084.722
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(524.085.200)	-
Thuế, phí lệ phí	34.408.278	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.704.206.138	188.499.140
Chi phí khác bằng tiền	3.403.988.582	56.891.787
Cộng	9.372.007.798	1.225.475.649

23. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Thu nhập từ chuyển nhượng dự án trạm trộn bê tông	6.908.575.101	-
Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	68.862.038	277.000.000
Các khoản khác	300.000	-
Cộng	6.977.737.139	277.000.000

24. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Giá trị chi phí xây dựng dở dang của trạm trộn bê tông	6.908.495.101	-
Các khoản bị phạt	337.839.180	-
Chi phí cấp quyền khai thác mỏ	144.931.840	449.802.818
Khấu hao tài sản ngừng hoạt động	2.267.503.209	2.024.124.241
Các khoản khác	1.146.819.016	-
Cộng	10.805.588.346	2.473.927.059

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	18.944.597.894	249.864.921
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được trừ</i>	3.897.093.245	2.024.124.241
Thu nhập chịu thuế	22.841.691.139	2.273.989.162
Lỗ được kết chuyển	-	2.273.989.162
Thu nhập tính thuế	22.841.691.139	-
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.568.338.228	-

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nhân công	2.753.490.000	977.084.722
Chi phí khấu hao và phân bổ	-	587.775.385
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.704.206.138	188.499.140
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(524.085.200)	-
Chi phí khác bằng tiền	3.438.396.860	509.694.605
Cộng	9.372.007.798	2.263.053.852

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	14.376.259.666	249.864.921
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	14.376.259.666	249.864.921
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	3.800.000	3.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.783	66

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh Công cụ tài chính.

	Giá trị ghi sổ 31/12/2022	Giá trị ghi sổ 01/01/2022
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.571.939	10.408.615
Phải thu của khách hàng	35.672.149.764	4.923.180.921
Phải thu khác	731.883.726	4.044.750
Cộng	36.415.605.429	4.937.634.286
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán	1.409.041.584	513.638.952
Phải trả khác	3.214.727.413	3.036.394.229
Vay và nợ thuê tài chính	2.964.001.081	4.518.623.452
Cộng	7.587.770.078	8.068.656.633
Trừ đi các khoản dự phòng	(776.000.000)	(1.300.085.200)

Công ty trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo quy định của Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn cụ thể cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính theo giá trị hợp lý. Công ty đã trình bày giá trị hợp lý của công cụ tài chính theo hướng dẫn về thuyết minh báo cáo tài chính của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính tại một số thuyết minh ở phần trên.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Các hoạt động của Công ty phải chịu rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đặt mục tiêu và các nguyên tắc cơ bản về quản lý rủi ro tài chính cho Công ty. Ban Giám đốc lập các chính sách chi tiết như nhận diện và đo lường rủi ro, hạn mức rủi ro và các chiến lược phòng ngừa rủi ro. Việc quản lý rủi ro tài chính được nhân sự thuộc bộ phận tài chính thực hiện.

Các nhân sự thuộc bộ phận tài chính đo lường mức độ rủi ro thực tế so với hạn mức được đề ra và lập báo cáo thường xuyên để Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xem xét. Thông tin trình bày sau đây là dựa trên thông tin mà Ban Giám đốc nhận được.

Rủi ro tín dụng

Chính sách của Công ty là chỉ giao dịch với các khách hàng có quá trình tín dụng tốt và thu được đủ tài sản đảm bảo phù hợp nhằm giảm rủi ro tín dụng. Đối với các tài sản tài chính khác, chính sách của Công ty là giao dịch với các tổ chức tài chính và các đối tác khác có xếp hạng tín nhiệm cao.

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn, có kỳ hạn), phải thu của khách hàng và phải thu khác

- Tài sản tài chính quá hạn hoặc giảm giá

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Phải thu của khách hàng		
Quá hạn từ 1 năm đến 2 năm	1.552.000.000	-
Quá hạn trên 3 năm trở lên	-	1.300.085.200

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ tài chính được thanh toán bằng cách giao tiền mặt hoặc một tài sản tài chính khác. Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

	Đến 1 năm	Trên 1 năm
	VND	VND
Tại ngày 31/12/2022		
Phải trả người bán	1.409.041.584	-
Phải trả khác	3.214.727.413	-
Vay và nợ thuê tài chính	2.964.001.081	-
Cộng	7.587.770.078	-
Tại ngày 01/01/2022		
Phải trả người bán	513.638.952	-
Phải trả khác	3.036.394.229	-
Vay và nợ thuê tài chính	4.518.623.452	-
Cộng	8.068.656.633	-

Đo lường theo giá trị hợp lý

Giá gốc trừ dự phòng (nếu có) đối với phải thu khách hàng, phải thu về cho vay, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

29. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối liên hệ
Ông Lê Thanh Hồng	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý Hoàng Phúc	Cổ đông lớn sở hữu 15% vốn điều lệ tại thời điểm 30/06/2022. Công ty mẹ của Công ty đến ngày 28/01/2022
Công ty TNHH Y học cổ truyền Taytang	Cổ đông lớn sở hữu 25% vốn điều lệ đến ngày 21/01/2022

Ngoài giao dịch và số dư với các bên liên quan đã trình bày tại các Thuyết minh, Công ty có giao dịch và số dư khác với các bên liên quan như sau:

Giao dịch với các bên liên quan:

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay		
Ông Lê Thanh Hồng	45.338.803	-

Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

		<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
		VND	VND
Họ và tên	Chức vụ		
Ông Lê Thanh Hồng	Chủ tịch HĐQT	13.500.000	-
Ông Nguyễn Trường Sơn	Tổng giám đốc, Thành viên HĐQT	427.038.000	-
Ông Dương Nguyễn Bộ	Tổng giám đốc	-	18.000.000
Ông Lê Văn Thành	Thành viên HĐQT	13.500.000	-
Ông Phạm Đức Thắng	Thành viên HĐQT	13.500.000	-
Ông Nguyễn Cao Đăng	Thành viên HĐQT	13.500.000	-
Ông Wang De Rong	Phó Tổng giám đốc	162.414.000	-
Ông Đinh Văn Đức	Phó Tổng giám đốc	72.172.375	-

30. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

31. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán.

Người lập



Nguyễn Đình Quyền

Kế toán trưởng



Nguyễn Đình Quyền

Lạng Sơn, ngày 31 tháng 03 năm 2023



Tổng giám đốc



Nguyễn Trường Sơn

Partnering for **Success**

ĐỊA CHỈ GIAO DỊCH:

**Tầng 12, tòa nhà 167 Bùi Thị Xuân
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội**

E anviet@anvietcpa.com
T (84-24) 6278 2904
F (84-24) 6278 2905

**Tầng 9, tòa nhà AC ngõ 78 Duy Tân
Quận Cầu Giấy, Hà Nội**

E anviet.hn@anvietcpa.com
T (84-24) 3795 8705
F (84-24) 3795 8677

**Tầng 7, tòa nhà Hải Quân số 5 Lý Tự Trọng
Quận Hồng Bàng, Hải Phòng**

E anviet.hp@anvietcpa.com
T (84-225) 3842 430
F (84-225) 3842 433

